

Số: 2878/GPMT

Thành phố Lai Châu, ngày 26 tháng 9 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Lai Châu tại văn bản số 199/CV-TTKN ngày 23/8/2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Lai Châu;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Lai Châu, địa chỉ tại Tổ 27, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Lai Châu

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ 27, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Quyết định số 254/2004/QĐ-UBND ngày 27/4/2004 của UBND lâm thời tỉnh Lai Châu về việc thành lập các đơn vị trực thuộc các Sở, Ban, Ngành thuộc UBND tỉnh; Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 07/11/2006 của UBND tỉnh Lai Châu về việc đổi tên Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm - mỹ phẩm tỉnh Lai Châu thuộc Sở Y tế tỉnh Lai Châu; Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 30/06/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức

của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lai Châu.

1.4. Mã số thuế: 6200017234-004

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm có chức năng tham mưu giúp Giám đốc Sở Y tế trong việc giám sát và quản lý chất lượng các loại thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người được sản xuất, lưu hành tại địa phương.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Quy mô của cơ sở: Diện tích: 1.501,8 m²
- Số lượng người làm việc: 31 người
- Số lượng mẫu thử: Trung bình trên 800 mẫu/năm.

Năm 2023 thực hiện 838 mẫu (trong đó mẫu thuốc 760 mẫu, thực phẩm chức năng 28 mẫu, mỹ phẩm: 20 mẫu, kiểm nghiệm thực phẩm 30 mẫu)

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Lai Châu có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn

đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 15 tháng 9 năm 2023 đến ngày 15 tháng 9 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Lai Châu;
- UBND phường Đông Phong;
- Trang Thông tin điện tử TP Lai Châu;
- Lưu: VT, TNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Xiêng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2878/GPMT ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân thành phố Lai Châu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ phòng Kiểm nghiệm Đông dược - dược liệu - dược lý vi sinh và phòng Kiểm nghiệm Hóa lý - mỹ phẩm của Trung tâm.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước đường Tuệ Tĩnh, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu rồi được dẫn ra hệ thống thoát nước chung của Thành phố Lai Châu, nguồn tiếp nhận cuối cùng là kênh thoát nước thành phố thuộc phường Đông Phong, thành phố Lai Châu.

2.2. Vị trí xả nước thải: Tọa độ VN2000: X(m) = 2475867, Y(m) = 549256

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $10 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} = 0,42 \text{ m}^3/\text{giờ}$

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục.

2.3.3. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, C_{\max} ; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$).

Giới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B, C_{\max})
1.	Nhiệt độ	°C	43,2
2.	Màu	Pt/Co	162
3.	pH	-	5,94 - 9,72
4.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	54
5.	COD	mg/l	162
6.	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108
7.	Asen	mg/l	0,108
8.	Thủy ngân	mg/l	0,0108
9.	Chì	mg/l	0,54

10.	Cadimi	mg/l	0,108
11.	Crom (VI)	mg/l	0,108
12.	Đồng	mg/l	2,16
13.	Kẽm	mg/l	3,24
14.	Mangan	mg/l	1,08
15.	Sắt	mg/l	5,4
16.	Tổng Xianua	mg/l	0,108
17.	Tổng Phenol	mg/l	0,54
18.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8
19.	Sunfua	mg/l	0,54
20.	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8
21.	Tổng nitơ	mg/l	43,2
22.	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6,48
23.	Clorua	mg/l	1080
24.	Clo dư	mg/l	2,16
25.	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	5.400

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh tại Trung tâm được xử lý qua hệ thống bể tự hoại ba ngăn.

+ Bể tự hoại (Bể phốt): Tại các nhà vệ sinh được xây dựng hệ thống bể phốt ba ngăn, bể tự hoại được bố trí ngầm dưới nhà vệ sinh, kích thước mỗi bể là 11,025 m³; Nước thải sau bể phốt được nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của Trung tâm bằng ống PVC D48 chiều dài 7m.

+ Nước thải tại Phòng kiểm nghiệm Đông dược - Dược liệu - Dược lý vi sinh và Phòng kiểm nghiệm Hóa lý - mỹ phẩm tại tầng 1, tầng 2, tầng 3 sẽ đầu nối trực tiếp vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10m³/ ngày đêm bằng đường ống PVC ϕ 3,5cm có chiều dài 25m; nước thải từ phòng rửa dụng cụ ở tầng 1 được nối trực tiếp vào hệ thống xử lý nước thải bằng ống PVC D48 chiều dài 7m.

+ Nước thải từ Trung tâm sẽ được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung công nghệ hợp khối. Nước thải tiếp tục được dẫn bằng đường ống nhựa PVC D60 có chiều dài 3m thoát ra ngoài cùng hệ thống thoát nước mưa của Trung tâm. Cuối cùng, nước thải được dẫn ra hệ thống thoát nước đường Tuệ Tĩnh, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, nguồn tiếp nhận cuối cùng là kênh thoát nước thành phố thuộc phường Đông Phong, thành phố Lai Châu.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải trong bể tự hoại được làm sạch nhờ hai quá trình chính là lắng cặn và phân hủy bằng vi sinh vật. Do tốc độ nước qua bể rất chậm (thời gian lưu lại của dòng chảy trong bể là 3 ngày) nên quá trình lắng cặn trong bể có thể xem như quá trình lắng tĩnh, dưới tác dụng trọng lực bản thân của các hạt cặn (cát, bùn, phân) lắng dần xuống đáy bể, tại đây các chất hữu cơ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí. Cặn lắng được phân huỷ làm giảm mùi hôi, thu hẹp thể tích bể chứa đồng thời giảm được các tác nhân gây ô nhiễm môi trường. Tốc độ phân huỷ chất hữu cơ nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải và lượng vi sinh vật có mặt trong lớp cặn. Hiệu quả xử lý làm sạch của bể tự hoại đạt 30-50% theo BOD và 50-55% đối với cặn lơ lửng.

- Nước thải từ phòng thí nghiệm: hệ thống xử lý nước thải phòng thí nghiệm của Trung tâm được thiết kế theo phương pháp oxy hóa liên tục, kết tủa các kim loại nặng trong các thiết bị xử lý. Nước thải từ các phòng thí nghiệm được thu gom qua hệ thống riêng biệt (*ống thu gom bằng vật liệu chịu dung môi, hóa chất*) về bể thu gom, lắng và điều hòa lưu lượng thải, tại đây các nguồn nước thải ở các phòng thí nghiệm khác nhau được trộn lẫn với nhau, một phần các chất độc hại được phân hủy, các chất kết tủa tạo thành và các loại cặn không tan khác được lắng đọng lại. Bơm nước thải sẽ tự động hoạt động cung cấp nước thải lên thiết bị phản ứng, đồng thời hệ thống thiết bị tạo ozôn sục khí ozôn vào thiết bị phản ứng và bơm định lượng hóa chất cũng sẽ hoạt động tạo môi trường thuận lợi cho quá trình oxy hóa, dưới tác dụng của ozôn hầu hết các chất hữu cơ và các chất độc hại bị phân hủy về dạng không độc hoặc ít độc hơn. Các kim loại nặng chuyển về dạng hóa trị cao hơn, dễ bị kết tủa hơn trong môi trường kiềm. Nước thải sau khi được ozôn hóa tiếp tục chảy sang thiết bị lắng đứng lần I để loại phần lớn các chất lơ lửng trong nước thải, tại đây nước thải được cung cấp thêm các hóa chất để kết tủa hết các kim loại nặng, điều chỉnh pH, các chất keo tụ. Thiết bị cung cấp hóa chất được điều khiển tự động nhờ có đatrích và hệ thống rơ le tự động. Phần nước trong được tiếp tục cho chảy qua hệ thống thiết bị AEROTEN với bùn hoạt tính để tiếp tục oxy hóa bậc 2. Nước thải sau khi qua thiết bị aeroten sẽ được bổ sung các chất đông tụ, keo tụ và lắng tại thiết bị lắng bậc II để loại bỏ phần lớn các hạt lơ lửng và đi vào thiết bị lọc hấp phụ để tách loại triệt để các cặn lơ lửng và các chất hữu cơ còn lại trước khi nhập vào hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và thoát ra cống thoát nước thải của thành phố. Phần bùn, cặn ở trong các bể lắng và bể phản ứng định kỳ được tháo ra bể lọc bùn, các chất kết tủa ở thiết bị lắng đứng và thiết bị lọc và hấp phụ được tự động

bơm ra bể lọc bùn nhờ hai bơm bùn lắp đặt tại hai thiết bị trên, bùn khô tại bể thu và lọc cặn được tháo gạt vào thùng chứa rồi mang đi chôn lấp theo đúng quy định hoặc thải cùng rác thải sinh hoạt, nước lọc bùn được cho chảy vào hệ thống nước thải đã xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

+ Thời gian bắt đầu: sau khi cơ sở được cấp giấy phép môi trường

+ Thời gian kết thúc: Ngày 31/12/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

Vị trí xả nước thải: Tọa độ VN2000: X(m) = 2475867, Y(m) = 549256

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B, C _{max})
26.	Nhiệt độ	°C	43,2
27.	Màu	Pt/Co	162
28.	pH	-	5,94 - 9,72
29.	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	54
30.	COD	mg/l	162
31.	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108
32.	Asen	mg/l	0,108
33.	Thủy ngân	mg/l	0,0108
34.	Chì	mg/l	0,54
35.	Cadimi	mg/l	0,108
36.	Crom (VI)	mg/l	0,108
37.	Đồng	mg/l	2,16
38.	Kẽm	mg/l	3,24
39.	Mangan	mg/l	1,08
40.	Sắt	mg/l	5,4
41.	Tổng Xianua	mg/l	0,108
42.	Tổng Phenol	mg/l	0,54

43.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8
44.	Sunfua	mg/l	0,54
45.	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8
46.	Tổng nitơ	mg/l	43,2
47.	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6,48
48.	Clorua	mg/l	1080
49.	Clo dư	mg/l	2,16
50.	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	5.400

2.3. Tần suất lấy mẫu (ghi rõ tần suất theo quy định):

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm, tần suất quan trắc 15 ngày/lần.

- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh, tần suất quan trắc 01 ngày/lần (lấy mẫu với 01 mẫu nước thải đầu vào và 07 mẫu nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp)

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Trung tâm bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, Trung tâm phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2878/GPMT ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân thành phố Lai Châu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn số 01: Khí thải từ phòng Kiểm nghiệm Đông dược - Dược liệu - Dược lý vi sinh và phòng Kiểm nghiệm Hóa lý - mỹ phẩm của Trung tâm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

- Dòng khí thải số 01: dòng khí thải sau xử lý

+ Tọa độ vị trí xả khí thải: tại ống thải đường kính 30cm, cao 1,8m trên mái của tòa nhà Trung tâm, vị trí xả thải có tọa độ hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 103° , múi chiều 3, tọa độ như sau: $X(m) = 2475816$, $Y(m) = 549274$.

+ Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $10.000 \text{ m}^3/\text{h}$.

+ Phương thức xả khí thải: Gián đoạn, khi các máy móc, thiết bị hoạt động

3. Khí thải của Trung tâm khi xả ra môi trường bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, C_{\max} , $K_p=1$, $K_v=0,8$): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, C_{\max})
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	160
2	SO_2	mg/Nm^3	400
3	CO	mg/Nm^3	800
4	NO_2	mg/Nm^3	680

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

Tất cả khí thải tại các tủ hút ở phòng thí nghiệm được thu gom trên các đường ống bằng nhựa PVC có đường kính $d=100\text{mm}$ (chịu nhiệt, chịu hơi axit - bazơ) riêng biệt, đẩy về hộp thu gom và giảm âm của hệ thống xử lý khí thải tập trung; khí thải ô nhiễm được xử lý nhờ quạt đẩy chuyên dùng (quạt bằng PVC) hút khí từ hộp thu gom, giảm âm qua hệ thống đường ống dẫn công nghệ vào hai bộ phận chính của hệ thống là thiết bị lọc hấp phụ và thiết bị lọc hấp thụ (sử dụng các chất hấp phụ và dung dịch hấp thụ phù hợp). Các hệ thống xử lý khí thải tập trung sẽ được lắp đặt mới tại nóc tòa nhà làm việc.

Nguyên tắc hoạt động của hệ thống xử lý khí thải tập trung: Từ các đường xả của các quạt hút thành phần, khí thải thu gom vào thiết bị thu gom, giảm âm

(Mỗi thiết bị thu gom, giảm âm dùng cho 2 - 3 hạng xả khí thải) sử dụng dòng dung dịch hấp phụ phun dạng sương đi ngược chiều với khí thải. Các chất khí có khả năng tan trong nước (hơi axit, hơi dung môi hữu cơ tan trong nước) sẽ bị giữ lại, dung dịch hấp phụ được xử lý cùng với nước thải phòng thí nghiệm. Các chất khí không tan trong nước sẽ được hấp phụ bằng thiết bị lọc hấp phụ chứa than hoạt tính trước khi thải vào môi trường. Khí sau khi ra khỏi thiết bị hấp thụ đạt tiêu chuẩn theo QCVN 05: 2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT, sẽ được thải thẳng vào môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

+ Thời gian bắt đầu: sau khi cơ sở được cấp giấy phép môi trường

+ Thời gian kết thúc: Ngày 31/12/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):
Tọa độ vị trí xả khí thải: tại ống thải đường kính 30cm, cao 1,8m trên mái của tòa nhà Trung tâm, vị trí xả thải có tọa độ hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 103°, múi chiều 3, tọa độ như sau: X(m) = 2475816, Y(m) = 549274

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, C _{max})
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160
2	SO ₂	mg/Nm ³	400
3	CO	mg/Nm ³	800
4	NO ₂	mg/Nm ³	680

2.3. Tần suất lấy mẫu (ghi rõ tần suất theo quy định):

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm, tần suất quan trắc 15 ngày/lần (1 mẫu/lần x 5 lần).

- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh, tần suất quan trắc 01 ngày/lần (lấy 01 mẫu/ngày x 07 ngày liên tiếp).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Trung tâm bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2878/GPMT ngày 26 tháng 9 năm 2023
của Ủy ban Nhân dân thành phố Lai Châu)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	83	18 01 03
2	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	Rắn	83	18 01 04
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	33	18 02 01
Tổng			199	

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ công chức, viên chức tại Trung tâm. Khối lượng phát sinh khoảng 9,3 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 3 thùng đựng rác nguy hại, mỗi thùng dung tích 100 lít.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà: Đặt tại khu vực kín, có mái trong phạm vi Trung tâm.

Hợp đồng với Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lai Châu xử lý rác thải nguy hại; định kỳ 3 tháng/lần, Trung tâm vận chuyển sang Bệnh viện Đa khoa để xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Sọt rác bố trí xung quanh khu vực Trung tâm.

Đóng phí dịch vụ để đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý. Tần suất thu gom 01 lần/ngày.

2.2.2. Khu vực lưu chứa: tại các phòng làm việc trong Trung tâm.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Lai Châu phải thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Khoản 1, Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường 2020; tự chịu trách nhiệm về việc phân định, phân loại, xác định lượng chất thải nguy hại phải khai báo và quản lý; thực hiện nghiêm việc chuyển giao chất thải nguy hại cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lai Châu để xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh Lai Châu quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Đối với rác thải sinh hoạt: Thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, thu gom theo từng loại đã phân loại, đổ thải đúng giờ và đúng nơi quy định của địa phương.